

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 253/2019/DS-PT

Ngày: 13/9/2019

V/v tranh chấp: “Đòi quyền sử dụng đất và
đòi tài sản ”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hằng

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Hiếu

Bà Lâm Ngọc Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Từ Thị Kỳ – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 và 13 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 210/2019/TLPT-DS ngày 19 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp “Đòi quyền sử dụng đất và đòi tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 26/2019/DS-ST ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 271/2019/QĐ-PT ngày 22 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Anh Dương Quốc L, sinh năm 1974; (có mặt)

2. Chị La Thị Ngọc K, sinh năm 1978; (có mặt)

Địa chỉ: Đường N, Phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của anh L và chị K: Ông Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1974; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Theo văn bản ủy quyền ngày 23 tháng 5 năm 2019.

- Bị đơn: Anh Dương Quốc D, sinh năm 1982; (có mặt)

Địa chỉ: Đường N, Phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của anh D: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1959; (có mặt)

Theo văn bản ủy quyền ngày 23 tháng 8 năm 2019.

Địa chỉ: Ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Nguyễn Thị Thúy L, sinh năm 1988; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn – anh Dương Quốc L và chị La Thị Ngọc K; Bị đơn – anh Dương Quốc D.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn – anh Dương Quốc L và chị La Thị Ngọc K trình bày: Nguyên phần đất tại ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang có diện tích là 78,9m² thuộc thửa số 378, tờ bản đồ số 54, anh L và chị K đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS10293 ngày 22/9/2016 cho anh Dương Quốc L và chị La Thị Ngọc K. Tháng 10/2016, anh L đã cho anh D là em ruột về ở trên phần đất trên và cất nhà tiền chế làm cửa sắt, cửa nhôm. Khi cho anh D về ở nhờ, hai bên chỉ là nói miệng, không có làm hợp đồng hay giấy tờ gì, không có nói thời hạn đòi đất, nếu có lấy lại sẽ cho hay trước còn đối với phần nhà tiền chế thì anh D tự tháo dỡ, di dời. Không có người làm chứng. Khi đó anh L chỉ cho anh D về ở vì chị L và anh D đang giận nhau, không có sống chung. Sau đó giữa anh L và anh D xảy ra mâu thuẫn và do anh L có nhu cầu lên thổ cư phần đất trên nên anh L đã yêu cầu anh D trả lại phần đất thì chị L về ở và xây dựng thêm phòng ốc để ở. Khi xây dựng thêm thì anh L và chị K không hay biết và anh D, chị L không hỏi ý kiến của anh chị. Sau khi biết anh D đã xây dựng thêm phòng để ở thì phía anh L, chị K cũng không có ý kiến.

Nay Lai và chị K khởi kiện yêu cầu anh D trả lại quyền sử dụng đất phần đất tại ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang có diện tích 78,9m² thuộc thửa số 378, tờ bản đồ số 54, khi án có hiệu lực pháp luật, anh D sẽ tự tháo dỡ di dời tài sản trên đất, trả lại anh chị phần đất trống. Anh L và chị K không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của anh D.

Bị đơn – anh Dương Quốc D trình bày: Nguyên phần đất tại ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang có diện tích 78,9m², thuộc thửa số 378, tờ bản đồ số 54, anh L và chị K được đã được Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS10293 ngày 22/9/2016 cho anh Dương Quốc L và chị La Thị Ngọc K. Anh là em ruột anh L, nên vào tháng 10/2016 anh L đã cho anh về ở trên phần đất nói trên để cất nhà tiền chế để mở xưởng làm cửa sắt, cửa nhôm. Khi cho anh về ở hai bên chỉ là nói miệng, không có làm hợp đồng hay giấy tờ gì. Khi đó anh L chỉ nói là cho anh mượn đất, không có nói là cho chị L mượn đất. Thỏa thuận cho mượn đất trong thời hạn 05 năm, đối với phần nhà sau thời hạn 05 năm anh phải tự sẽ tháo dỡ nhà tiền chế, trả lại nền đất cho anh L và chị K. Thỏa thuận này cũng chỉ nói miệng không có làm giấy tờ. Khi anh D về ở trên đất, anh D đã san lấp mặt bằng, đã cuốn nền tráng xi măng, lợp mái tole, xây nhà bán kiên cố. Anh D thuê anh Trần Hữu Trung xây dựng nhà có hợp đồng thi công xây dựng ngày 09/10/2016 có tổng giá trị công trình là 87.500.000 đồng. Khi đó phía anh L và chị K không có ý kiến việc anh xây nhà bán kiên cố. Khi chị L và vợ anh D về ở trên đất thì phía anh L và chị K cũng không có ý kiến. Do hiện nay nhà đất lên giá nên anh L và chị K đã khởi kiện anh để đòi lại đất.

Đối với yêu cầu khởi kiện của anh L và chị K yêu cầu anh trả lại quyền sử dụng đất phần đất tại ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang có diện tích 78,9m² thuộc thửa số

378, tờ bản đồ số 54, trả khi án có hiệu lực pháp luật anh D đồng ý trả. Tuy nhiên, anh có yêu cầu phản tố, yêu cầu anh Dương Quốc L và chị La Thị Ngọc K bồi thường cho anh số tiền là 121.000.000 đồng theo biên bản định giá tài sản ngày 19/3/2019 của Hội đồng định giá. Lý do anh yêu cầu bồi thường là do anh không thể tháo dỡ di dời công trình nhà ở trên đất để giao phần đất trống theo yêu cầu của anh L và chị K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – chị Nguyễn Thị Thúy L trình bày: Chị là vợ anh D, đối với yêu cầu khởi kiện của anh L và chị K, chị L thống nhất theo ý kiến của anh D đã trình bày.

Người làm chứng – anh Trần Hữu Trung trình bày: Anh Dương Quốc D có thuê anh Trần Hữu Trung xây dựng nhà, có làm hợp đồng thi công xây dựng ngày 09/10/2016 có tổng giá trị công trình là 87.500.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 26/2019/DS-ST ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang căn cứ khoản 2 và khoản 9 Điều 26, Điều 35, 39, 92, 147, 157, 165, 189, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 7 Điều 166 và Điều 203 Luật Đất đai 2013; Điều 107, 164, 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Dương Quốc L và chị La Thị Ngọc K.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Dương Quốc D và chị Nguyễn Thị Thúy L trả lại cho anh Dương Quốc L và chị La Thị Ngọc K phần đất có diện tích là 78,9m² thuộc thửa số 378, tờ bản đồ số 54, địa chỉ thửa đất tại ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, có tứ cận như sau:

+Phía Bắc giáp đường bê tông;

+Phía Nam giáp thửa 360;

+Phía Đông giáp thửa 379;

+Phía Tây giáp thửa 377.

(Có sơ đồ thửa đất ngày 20/3/2019 kèm theo)

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của anh Dương Quốc D.

Buộc anh Dương Quốc L và chị La Thị Ngọc K trả cho anh Dương Quốc D giá trị nhà là 60.500.000 đồng.

3. Về chi phí tố tụng anh Dương Quốc L và chị La Thị Ngọc K phải chịu 800.000 đồng, anh L và chị K đã nộp xong.

Anh Dương Quốc D phải trả chi phí tố tụng cho anh Dương Quốc L và chị La Thị Ngọc K là 800.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngày 23 tháng 5 năm 2019, anh Dương Quốc L và chị La Thị Ngọc K có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, anh

L và chị K không đồng ý bồi thường cho anh D 60.500.000 đồng, anh L và chị K chỉ hỗ trợ một khoản tiền để di dời nhà.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019, anh Dương Quốc D có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử buộc anh Dương Quốc L và chị La Thị Ngọc K liên đới trả cho anh số tiền 121.000.000 đồng do đã có lỗi vi phạm hợp đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện phản tố. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật.

- Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn:

+Về nội dung vụ án:

Anh L và chị K khởi kiện yêu cầu anh D trả lại quyền sử dụng đất phần đất tại ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang có diện tích 78,9m² thuộc thửa số 378, tờ bản đồ số 54, khi án có hiệu lực pháp luật, anh D sẽ tự tháo dỡ di dời tài sản trên đất, trả lại anh chị phần đất trống. Anh L và chị K không đồng ý bồi thường theo yêu cầu khởi kiện phản tố của anh D

Anh D đồng ý trả lại diện tích đất nói trên cho anh L và chị K. Tuy nhiên anh D có yêu cầu khởi kiện phản tố, yêu cầu anh L và chị K phải chịu trách nhiệm liên đới hoàn trả lại cho anh giá trị nhà 121.000.000 đồng theo biên bản định giá tài sản vì anh L và chị K đã có lỗi vi phạm hợp đồng.

Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2019/DS-ST ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Dương Quốc L và chị La Thị Ngọc K.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Dương Quốc D và chị Nguyễn Thị Thúy L trả lại cho anh Dương Quốc L và chị La Thị Ngọc K phần đất có diện tích là 78,9m² thuộc thửa số 378, tờ bản đồ số 54, địa chỉ thửa đất ở ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của anh Dương Quốc D.

Buộc anh Dương Quốc L và chị La Thị Ngọc K trả cho anh Dương Quốc D giá trị nhà là 60.500.000 đồng.

+Về yêu cầu kháng cáo của anh L, chị K và anh D:

- Anh L và chị K kháng cáo, đề nghị tòa cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, anh L và chị K không phải hoàn trả lại giá trị nhà là 60.500.000 đồng cho anh D. Anh L và chị K chỉ đồng ý hỗ trợ cho anh D một khoản tiền để di dời nhà.

- Anh D kháng cáo yêu cầu tòa cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm. Buộc anh L và chị K phải chịu trách nhiệm liên đới hoàn trả lại cho anh giá trị nhà là 121.000.000 đồng.

Đơn kháng cáo của anh L, chị K và anh D đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Anh L và chị K kháng cáo cho rằng anh, chị không có lỗi và không vi phạm hợp đồng, nên anh, chị không đồng ý hoàn trả lại giá trị nhà là 60.500.000 đồng cho anh D. Án sơ thẩm buộc anh L và chị K phải chịu trách nhiệm liên đới hoàn trả lại cho anh D $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà là 60.500.000 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật. Anh L và chị K kháng cáo nhưng anh L và chị K lại không đưa ra được chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Do vậy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh L và chị K. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2019/DS-ST ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang

Đối với phía anh D, anh D kháng cáo yêu cầu tòa cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm. Buộc anh L và chị K phải chịu trách nhiệm liên đới hoàn trả lại cho anh giá trị nhà là 121.000.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, anh D nhận thấy anh cũng có một phần lỗi là khi anh L và chị K cho ở nhờ trên đất thì chỉ được cất nhà tiền chế để dễ tháo dỡ di dời, nhưng anh D lại cất nhà bán kiên cố C2, dẫn đến việc tháo dỡ di dời sẽ khó khăn, nên án sơ thẩm đã xử như đã nêu ở phần trên là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật, nên anh D đã rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Việc rút yêu cầu kháng cáo của anh D là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 5 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của anh Dương Quốc D.

Qua nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, yêu cầu kháng cáo của anh Dương Quốc L, chị La Thị Ngọc K lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất và yêu cầu phản tố đòi tài sản” là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án :

- Nguyên đơn anh Dương Quốc L và chị La Thị Ngọc K khởi kiện yêu cầu bị đơn anh Dương Quốc D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Thúy L phải giao trả lại phần diện tích đất là 78,9m² thuộc thửa số 378, tờ bản đồ số 54, địa chỉ thửa đất tại ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, có tứ cận như sau:

+Phía Bắc giáp đường bê tông;

+Phía Nam giáp thửa 360;

+Phía Đông giáp thửa 379;

- Bị đơn anh Dương Quốc D tự nguyện đồng ý trả lại phần diện tích đất nói trên cho anh L và chị K, nhưng do anh L và chị K là người có lỗi vì đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận, nên anh L và chị K phải có trách nhiệm hoàn trả lại giá trị căn nhà mà anh đã xây dựng trên phần diện tích đất nói trên, theo biên bản định giá, giá trị căn nhà hiện tại là 121.000.000 đồng

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của các bên đương sự :

3.1. Xét yêu cầu kháng cáo của anh Dương Quốc L và chị La Thị Ngọc K: Anh L và Chị K kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện phản tố của anh Dương Quốc D, anh L và chị K không phải chịu trách nhiệm hoàn trả lại cho anh D giá trị căn nhà là 60.500.000 đồng.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án phía nguyên đơn là anh L và chị K thừa nhận, anh chị có cho anh D cất nhà tiền chế trên đất của anh chị, hai bên chỉ thỏa thuận miệng không có là hợp đồng. Khi anh D xây dựng nhà tường cột thép, nền gạch men+bê tông xi măng loại nhà bán kiên cố C2, anh L và chị K không có ý kiến gì về việc làm này của anh D. Anh L và chị K cho rằng anh, chị cho anh D cất nhà để kinh doanh cửa sắt không có thời hạn khi nào cần lấy lại thì báo trước, nhưng anh L và chị K không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu này, anh D thì lại cho rằng anh L và chị K cho anh ở trong thời hạn là 05 năm nhưng cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Do anh L và chị K biết anh D cất nhà bán kiên cố C2 trên đất, anh L và chị K biết nhưng lại không có bất cứ hành động gì ngăn cản việc làm này của anh D, hiện căn nhà này không thể tháo dỡ di dời được. Do vậy anh L và chị K cũng có một phần lỗi nên phải chịu một phần trách nhiệm bồi thường. Vì vậy án sơ thẩm đã buộc anh L và chị K phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả lại cho anh D $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà là 60.500.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

3.2. Xét yêu cầu kháng cáo của anh Dương Quốc D. Anh D kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử buộc anh Dương Quốc L và chị La Thị Ngọc K liên đới chịu trách nhiệm hoàn trả lại cho anh giá trị căn nhà theo biên bản định giá ngày 19/3/2019, căn nhà hiện tại có tổng giá trị là 121.000.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm phía anh D nhận thấy anh cũng có một phần lỗi, nên anh phải tự gánh chịu một phần hậu quả. Do vậy anh D đã tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo, việc rút yêu cầu kháng cáo của anh D là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy căn cứ vào khoản 5 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của anh Dương Quốc D.

Anh L và chị K kháng cáo bản án sơ thẩm nhưng không cung cấp thêm được các chứng cứ gì mới, nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh L và chị K. Do vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 26/2019/DS-ST ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

[4] Về án phí: Căn cứ vào các Điều 147; 148, 308 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

4.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Dương Quốc L và chị La Thị Ngọc K phải chịu là 3.025.000 đồng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013496 ngày 17/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Vậy anh L và chị K phải nộp tiếp 2.725.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Dương Quốc D phải chịu là 3.325.000 đồng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh D đã nộp là 2.187.500 đồng theo biên lai thu số 0013776 ngày 19/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Vậy anh D phải nộp tiếp 1.137.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Anh Dương Quốc L và chị La Thị Ngọc K phải chịu là 300.000 đồng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu số 0014289 ngày 24/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang, xem như anh L và chị K đã nộp xong tiền án phí phúc thẩm.

- Anh Dương Quốc D phải chịu là 300.000 đồng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh D đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0014336 ngày 31/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang, xem như anh D đã nộp xong tiền án phí phúc thẩm.

[5] Xét ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tại phiên tòa phúc thẩm là cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 và khoản 5 Điều 308; Điều 147; Điều 148; khoản 2 và khoản 9 Điều 26; của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 166; Điều 203 Luật Đất đai 2013;

Căn cứ vào Điều 107; Điều 164; Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Dương Quốc L, chị La Thị Ngọc K.

2/ Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của anh Dương Quốc D.

3/ Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 26/2019/DS-ST ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang

4/ Tuyên xử:

4.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Dương Quốc L và chị La Thị Ngọc K.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Dương Quốc D và chị Nguyễn Thị Thúy L trả lại cho anh Dương Quốc L và chị La Thị Ngọc K phần đất có diện tích là 78,9m² thuộc thửa số 378, tờ bản đồ số 54, địa chỉ thửa đất tại ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, khi án có hiệu lực pháp luật, phần diện tích này có tứ cận như sau:

+Phía Bắc giáp đường bê tông;

+Phía Nam giáp thửa 360;

+Phía Đông giáp thửa 379;

+Phía Tây giáp thửa 377.

(Có sơ đồ thửa đất ngày 20/3/2019 kèm theo)

4.2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của anh Dương Quốc D.

Buộc anh Dương Quốc L và chị La Thị Ngọc K trả cho anh Dương Quốc D giá trị nhà là 60.500.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

4.3. Về chi phí tố tụng anh Dương Quốc L và chị La Thị Ngọc K phải chịu 800.000 đồng, anh L và chị K đã nộp xong.

Anh Dương Quốc D phải trả chi phí tố tụng cho anh Dương Quốc L và chị La Thị Ngọc K là 800.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4.4. Về án phí:

+Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Dương Quốc L và chị La Thị Ngọc K phải chịu là 3.025.000 đồng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013496 ngày 17/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Vậy anh L và chị K phải nộp tiếp 2.725.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Dương Quốc D phải chịu là 3.325.000 đồng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh D đã nộp là 2.187.500 đồng theo biên lai thu số 0013776 ngày 19/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Vậy anh D phải nộp tiếp 1.137.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+Về án phí dân sự phúc thẩm:

-Anh Dương Quốc L và chị La Thị Ngọc K phải chịu là 300.000 đồng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu số 0014289 ngày 24/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang, xem như anh L và chị K đã nộp xong tiền án phí dân sự phúc thẩm.

- Anh Dương Quốc D phải chịu là 300.000 đồng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh D đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0014336 ngày 31/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang, xem như anh D đã nộp xong tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án được tuyên vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 13 tháng 9 năm 2019 có mặt anh L, anh D, chị K, chị L; vắng mặt ông An, bà Chi.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thành phố M, TG;
- CCTHADS thành phố M, TG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Thu Hằng

